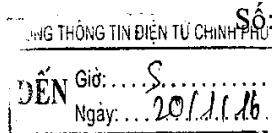


THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số: 143/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án đơn giản hóa nhóm thủ tục hành chính,
quy định liên quan đến hoạt động của các cơ sở in thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Thực hiện Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trong năm 2015;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua Phương án đơn giản hóa nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động của các cơ sở in thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, ngành có liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động cơ sở in đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Thông tin và Truyền thông chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc đề nghị bằng văn bản, gửi Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ về các Luật, Nghị định của Chính phủ,

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ để thực hiện Phương án đơn giản hóa nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động cơ sở in được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Giao Bộ Tư pháp kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi phương án đơn giản hóa nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động cơ sở in được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (3b). M 180

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

**Đơn giản hóa nhóm thủ tục hành chính,
quy định liên quan đến hoạt động của các cơ sở in**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 143/QĐ-TTg
ngày 19 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)*

1. Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị in (B-BTT-282350-TT)

a) Về cách thức thực hiện

Nội dung: Bổ sung cách thức nộp hồ sơ qua hệ thống Internet.

Lý do: Tăng cường dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 28 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

b) Về thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Nội dung 1: Cắt giảm thành phần hồ sơ Ca-ta-lô (catalogue) của từng loại thiết bị in.

Lý do: Không phải thiết bị in nào cũng có Catalogue trước khi nhập khẩu, những thiết bị mới sản xuất và đưa ra thị trường, chưa có catalogue hoặc có những thiết bị đặc thù catalogue đi kèm thiết bị, chỉ khi nhập về mới có catalogue. Hơn nữa những thông số trong catalogue đã được thể hiện đầy đủ trong đơn đề nghị cấp giấy phép.

Kiến nghị thực thi: Hủy bỏ Điểm b, Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

- Nội dung 2: Thống nhất hình thức bản sao đối với các loại giấy tờ là thành phần hồ sơ của TTHC là bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

Lý do: Thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điểm c, Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

- Nội dung 3: Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị in: Bỏ nội dung “số sê-ri máy”.

Lý do: Số serial là thông số thường được in/dập trên thiết bị. Đối với thiết bị mới, nhập nguyên thùng, khi nhập thiết bị về mới cung cấp được số seri cho cơ quan quản lý. Chỉ có những máy cũ mới có sẵn số seri để khai báo trước khi nhập.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Mẫu 6 Phụ lục kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

- Nội dung 4: Bổ sung số lượng hồ sơ là 01 bộ.

c) Về quy định liên quan

- Nội dung: Sửa đổi quy định cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị in đối với các thiết bị gia công sau in, cụ thể là bỏ cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị in đối với máy dao xén giấy (trừ máy dao 03 mặt).

Lý do: Việc quản lý nhập khẩu tất cả thiết bị in không tạo sự phát triển cho ngành in. Cần quản lý chặt chẽ thiết bị in và đặc biệt là thiết bị in kỹ thuật số công nghiệp. Tuy nhiên đối với các thiết bị gia công sau in như máy dao xén giấy thì không cần thiết phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu, do đây là những thiết bị chỉ thực hiện vai trò phụ trợ trong quá trình in, không gây nguy hại, ảnh hưởng đến lĩnh vực văn hóa, tư tưởng, có thể thay thế bằng hình thức thông báo và quản lý theo cơ chế hậu kiểm.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điểm c Khoản 1 Điều 27 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; sửa đổi, bổ sung danh mục thiết bị in tại Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in như sau:

“c) Máy dao 03 mặt, máy gấp sách, máy đóng sách (đóng thép hoặc khâu chỉ), máy vào bìa, máy kỹ mã liên hợp, dây chuyền liên hợp hoàn thiện sản phẩm in;”

d) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 74.20%.

2. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm: Đối với cơ sở in ở Trung ương (B-BTT-281190-TT) và đối với cơ sở in ở địa phương (B-BTT-282273-TT)

a) Về cách thức thực hiện

Nội dung: Bổ sung cách thức nộp hồ sơ qua hệ thống Internet.

Lý do: Tăng cường dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 32 Luật Xuất bản số 19/2012/QH13.

b) Về thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Nội dung 1: Thống nhất hình thức bản sao đối với các loại giấy tờ là thành phần hồ sơ của TTHC là bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

Lý do: Thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điểm b, Điểm đ và Điểm e Khoản 2 Điều 32 Luật Xuất bản số 19/2012/QH13.

- Nội dung 2: Bổ sung số lượng hồ sơ là 01 bộ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 47.52%.

3. Thủ tục cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài: Đối với cơ sở in ở Trung ương (B-BTT-173564-TT)

a) Về cách thức thực hiện

Nội dung: Bổ sung cách thức nộp hồ sơ qua hệ thống Internet.

Lý do: Tăng cường dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điểm b, Điểm đ và Điểm e Khoản 2 Điều 34 Luật Xuất bản số 19/2012/QH13.

b) Về thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Nội dung 1: Thống nhất hình thức bản sao đối với các loại giấy tờ là thành phần hồ sơ của TTHC là bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

Lý do: Thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điểm c, Điểm d và Điểm đ Khoản 3 Điều 34 Luật Xuất bản số 19/2012/QH13.

- Nội dung 2: Mở rộng phạm vi của thành phần hồ sơ “Bản sao có chứng thực hợp đồng in gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài; trường hợp hợp đồng bằng tiếng nước ngoài thì phải kèm theo bản dịch tiếng Việt”.

Lý do: Có nhiều doanh nghiệp gia công cho nước ngoài chủ yếu thực hiện qua email, đấu thầu trực tuyến nên sẽ không biết có được ký kết hợp đồng hay không để làm thủ tục cấp giấy phép. Ngoài ra, cơ sở in khi chưa làm thủ tục cấp phép sẽ không biết có được thực hiện hoạt động này hay không để ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân đặt hàng. Do đó, nếu cơ sở in chưa có hợp đồng đặt in thì có thể thay thế bằng thư mời thầu hoặc giấy tờ có liên quan đến sản phẩm đặt in.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điểm d Khoản 3 Điều 34 Luật Xuất bản số 19/2012/QH13.

- Nội dung 3: Cắt giảm thành phần hồ sơ “Bản sao có chứng thực giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm”.

Lý do: Đối với các cơ sở in ở Trung ương, cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Cục Xuất bản, In và Phát hành có thể kiểm chứng thông tin liên quan đến các loại giấy tờ này bằng việc thực hiện cơ chế liên thông giữa các cơ quan có liên quan. Thông tin liên quan đến các loại giấy tờ này có thể đưa vào nội dung của Đơn đề nghị cấp giấy phép nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí cho đối tượng thực hiện TTHC. Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm do chính cơ quan giải quyết thủ tục Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài cấp. Các cơ sở in có thể khai số giấy phép hoạt động in trong đơn đề nghị cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài để cơ quan giải quyết TTHC tự tra cứu, đảm bảo tiết kiệm thời gian, chi phí cho các cơ sở in khi thực hiện thủ tục.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điểm c Khoản 3 Điều 34 Luật Xuất bản số 19/2012/QH13.

- Nội dung 4: Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép in gia công cho tổ chức, cá nhân nước ngoài: Bổ sung thông tin liên quan đến giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.

Lý do: Đơn giản hóa TTHC theo nội dung số 3.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 05 - Phụ lục II, Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.

- Nội dung 5: Bổ sung số lượng hồ sơ là 01 bộ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19.15%.

4. Thủ tục cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài: Đối với cơ sở in ở địa phương (B-BTT-173562-TT)

a) Về cách thức thực hiện

Nội dung: Bổ sung cách thức nộp hồ sơ qua hệ thống Internet.

Lý do: tăng cường dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điểm b, Điểm d và Điểm đ Khoản 2 Điều 34 Luật Xuất bản số 19/2012/QH13.

b) Về thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Nội dung 1: Thống nhất hình thức bản sao đối với các loại giấy tờ là thành phần hồ sơ của TTHC là bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

Lý do: Thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điểm c, Điểm d và Điểm đ Khoản 3 Điều 34 Luật Xuất bản số 19/2012/QH13.

- Nội dung 2: Mở rộng phạm vi của thành phần hồ sơ “Bản sao có chứng thực hợp đồng in gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài; trường hợp hợp đồng bằng tiếng nước ngoài thì phải kèm theo bản dịch tiếng Việt”.

Lý do: Có nhiều doanh nghiệp gia công cho nước ngoài chủ yếu thực hiện qua email, đấu thầu trực tuyến nên sẽ không biết có được ký kết hợp đồng hay không để làm thủ tục cấp giấy phép. Ngoài ra, cơ sở in khi chưa làm thủ tục cấp phép sẽ không biết có được thực hiện hoạt động này hay không để ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân đặt hàng. Do đó, nếu cơ sở in chưa có hợp đồng đặt in thì có thể thay thế bằng thư mời thầu hoặc giấy tờ có liên quan đến sản phẩm đặt in.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điểm d Khoản 3 Điều 34 Luật Xuất bản số 19/2012/QH13.

- Nội dung 3: Bổ sung số lượng hồ sơ là 01 bộ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17.84%.

5. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động in: Đối với cơ sở in ở Trung ương (B-BTT-282327-TT) và đối với cơ sở in ở địa phương (B-BTT-282360-TT)

a) Về cách thức thực hiện

Nội dung: Bổ sung cách thức nộp hồ sơ qua hệ thống Internet.

Lý do: Tăng cường dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

b) Về thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Nội dung 1: Thống nhất hình thức bản sao đối với các loại giấy tờ là thành phần hồ sơ của TTHC là bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

Lý do: Thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điểm b, Điểm c, Điểm d và Điểm đ Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

- Nội dung 2: Điều chỉnh nội dung, phương thức thực hiện trong thành phần hồ sơ: “Bản sao bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành in trở lên hoặc giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in” thành một mục “Cam kết” trong đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in. Trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động in, người đứng đầu cơ sở in phải đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điểm e Điều 11 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và phải nộp bản sao cho cơ quan cấp giấy phép.

Lý do: Tạo sự thông thoáng trong việc thực hiện thủ tục hành chính để phát triển hoạt động in, đảm bảo quyền kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, chuyển đổi hình thức thực hiện này là điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp tham gia vào hoạt động in khi chưa có đủ điều kiện tại thời điểm thành lập. Mặt khác, in là ngành nghề kinh doanh có điều kiện nên người đứng đầu cơ sở in phải có hiểu biết về hoạt động in, điều kiện này đã được quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điểm e Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

- Nội dung 3: Cắt giảm thành phần hồ sơ “Bản sao có chứng thực giấy tờ sở hữu hoặc thuê mua thiết bị in; trường hợp chưa có thiết bị in phải kèm theo danh mục thiết bị in dự kiến đầu tư”.

Lý do: Đưa thông tin thành phần hồ sơ trên vào nội dung kê khai trong mẫu đơn, do tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở in tự kê khai và chịu trách nhiệm về nội dung này.

Kiến nghị thực thi: Bỏ Điểm c Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

- Nội dung 4: Cắt giảm thành phần hồ sơ “Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh về việc giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng để thực hiện chế bản, in, gia công sau in”.

Lý do: Đưa thông tin thành phần hồ sơ trên vào nội dung kê khai trong mẫu đơn, do tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở in tự kê khai và chịu trách nhiệm về nội dung này.

Kiến nghị thực thi: Bỏ Điểm d Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

- Nội dung 5: Cắt giảm thành phần hồ sơ “giấy tờ thể hiện việc đáp ứng đủ điều kiện về bảo vệ môi trường”

Lý do: Bộ Tài nguyên và Môi trường đến nay vẫn chưa ban hành đầy đủ văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn cụ thể về loại giấy tờ này, do đó việc thực hiện trong các tỉnh, thành cả nước hiện chưa thống nhất, gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong quá trình xin cấp “giấy tờ thể hiện việc đáp ứng đủ điều kiện về bảo vệ môi trường” để hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động của các doanh nghiệp, cơ sở in.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điểm d Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

- Nội dung 6: Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in: Bổ sung các thông tin liên quan đến Bảng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành in trở lên hoặc giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in; Giấy tờ sở hữu hoặc thuê mua thiết bị in; trường hợp chưa có thiết bị in phải kèm theo danh mục thiết bị in dự kiến đầu tư; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh về việc giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng để thực hiện chế bản, in, gia công sau in.

Lý do: Đơn giản hóa TTHC theo các nội dung 2, 3, 4 và 5.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Mẫu 1, Phụ lục kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

- Nội dung 7: Bổ sung số lượng hồ sơ là 01 bộ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

6. Thủ tục đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu (B-BTT-282380-TT)

a) Về cách thức thực hiện

Nội dung: Bổ sung cách thức nộp hồ sơ qua hệ thống Internet.

Lý do: Tăng cường dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

b) Về thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Nội dung 1: Thay thành phần hồ sơ “Đơn đề nghị chuyển nhượng (đối với máy đã đăng ký sử dụng) có xác nhận của Sở Thông tin và Truyền thông nơi đã đăng ký máy đó” bằng bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Hợp đồng chuyển nhượng.

Lý do: Cơ quan quản lý nhà nước chỉ quản lý về hoạt động của máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu chứ không có thẩm quyền chấp thuận hay không chấp thuận việc chuyển nhượng thiết bị. Do đó, khi đăng ký sử dụng thiết bị này, cơ sở in không cần nộp thành phần hồ sơ là “Đơn đề nghị chuyển nhượng”, thay vào đó là nộp “Hợp đồng chuyển nhượng”. Hợp đồng chuyển nhượng là loại giấy tờ có đầy đủ thông tin về giao dịch giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Mặt khác, cơ quan quản lý đã nắm được thông tin về việc chuyển nhượng máy giữa các bên, vì trước khi chuyển nhượng, bên chuyển nhượng phải thông báo cho cơ quan quản lý nơi đăng ký sử dụng máy, nếu cần, các cơ quan này có thể trao đổi thông tin với nhau.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điểm c Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

- Nội dung 2: Bổ sung số lượng hồ sơ là 01 bộ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 41.05%.

7. Thủ tục Chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu (B-BTT-282385-TT)

a) Về cách thức thực hiện

Nội dung: Bổ sung cách thức nộp hồ sơ qua hệ thống Internet.

Lý do: Tăng cường dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

b) Về thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Nội dung: Thay thế thủ tục nêu trên bằng hình thức thông báo chuyển nhượng cho Sở Thông tin và Truyền thông nơi đăng ký sử dụng máy (do bên chuyển nhượng thực hiện).

Lý do: TTHC này là không cần thiết, vì việc chuyển nhượng tài sản là quyền của mỗi doanh nghiệp; sau khi nhận chuyển nhượng, bên nhận chuyển nhượng vẫn phải làm thủ tục đăng ký sử dụng tại Sở Thông tin và Truyền thông nơi họ hoạt động, như vậy, công tác quản lý đối với thiết bị này vẫn được đảm bảo. Mặt khác, quy định như hiện tại cũng vẫn không đảm bảo công tác quản lý, vì cơ quan quản lý hoàn toàn không quản lý được khoảng thời gian giữa thời điểm xin chuyển nhượng và thời điểm thực tế chuyển nhượng.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

8. Các quy định khác có liên quan

Nội dung: Đề nghị bỏ quy định về “Sổ ghi chép, quản lý ấn phẩm nhận in” theo quy định tại Thông tư số 33/2010/TT-BCA ngày 05 tháng 10 năm 2010 của Bộ Công an quy định cụ thể điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Lý do: Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan quản lý nhà nước về chuyên ngành xuất bản, in và phát hành, Bộ Công an không có thẩm quyền quản lý chuyên ngành in mà chỉ quản lý an ninh - trật tự (giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh - trật tự) đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, trong đó có hoạt động in (quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 72/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện). Tuy nhiên, Nghị định số 72/2009/NĐ-CP lại không giao trách nhiệm cho Bộ Công an quy định việc lập và quản lý “Sổ ghi chép, quản lý ấn phẩm nhận in” (quy định tại Thông tư số 33/2010/TT-BCA). Do đó, để tránh việc trùng lặp trong quá trình quản lý, theo dõi, kiểm tra hoạt động in của các cơ sở in giữa Bộ Công an và Bộ Thông tin và Truyền thông, đề nghị Bộ Công an xem xét bỏ quy định về “Sổ ghi chép, quản lý ấn phẩm nhận in” theo quy định tại Thông tư số 33/2010/TT-BCA/.



The image shows the official seal of the Ministry of Public Security (Bộ Công an) of Vietnam. The seal is circular with a five-pointed star in the center. The words "TƯỞNG" and "CHÍNH" are visible at the top and bottom of the seal respectively. To the right of the seal is a handwritten signature in black ink.

Nguyễn Tấn Dũng